

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2024/DS-ST
Ngày 22-02-2024
V/v Tranh chấp hợp đồng góp hội

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Đoan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Văn Công Trọn

Ông Huỳnh Văn Năm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Cẩm Hương là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 22 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 1050/2023/TLST-DS ngày 18 tháng 12 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng góp hội, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2024/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đinh Thị T1, sinh năm: 1995 (xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Khóm 3, phường 6, thành phố C, tỉnh C ..

Bị đơn: Chị Trần Hồng T2 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp 5, xã Khánh Bình Đông, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Đinh Thị T1 trình bày:

Chị Đinh Thị T1 làm chủ hội, ngày 08/9/2023 chị có mở dây hội, loại hội 1.000.000đ, 10 ngày khai 01 lần, hội gồm 21 chung, chị T2 tham gia chơi 02 chung (danh sách hội ghi tên là Hồng Thành). Ngày 28/9/2023 chị T2 hót 01 chung vào ký thứ 3 và chị đã giao số tiền 11.600.000 đồng và ngày 28/11/2023 hót chung còn lại vào kỳ số 9 và chị đã giao số tiền 11.900.000 đồng. Sau khi hót hội đến nay chị T2 không đóng hội chết của 02 chung hội, 12 kỳ với số tiền 24.000.000 đồng, hội hiện đã mãn. Nay chị T1 yêu cầu chị T2 phải trả số tiền nợ hội 24.000.000 đồng, ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị T2 vẫn vắng mặt không lý do, không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Về quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là “Tranh chấp hợp đồng góp hội” theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự; Bị đơn có nơi cư trú tại xã Khánh Bình Đông, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự có mặt của các đương sự: Chị T1 có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; Chị T2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Áp dụng khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[3] Xét yêu cầu trả nợ hội của nguyên đơn Hội đồng xét xử thấy rằng: Nguyên đơn xác định có mở dây hội, loại hội 1.000.000đ, 10 ngày khui 01 lần, hội gồm 21 chung, chị T2 tham gia chơi 02 chung. Hội chưa mãn, bị đơn hốt hội nhưng không thực hiện nghĩa vụ đóng hội chết cho nguyên đơn và hiện vẫn còn nợ lại nguyên đơn với số tiền 24.000.000 đồng. Nguyên đơn chứng minh việc có tham gia dây hội bằng giấy ghi hội, tin nhắn giao dịch tiền hội.

[4] Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành triệu tập hợp lệ chị T2 để tiến hành hòa giải, xét xử nhưng không có mặt cũng như không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ nào cho Tòa án để thể hiện sự phản đối trước yêu cầu của nguyên đơn, điều đó thể hiện về mặt ý thức không phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận đối với số nợ hội mà nguyên đơn yêu cầu.

[5] Từ các căn cứ nêu trên, có đủ cơ sở để kết luận việc nguyên đơn có mở dây hội 1.000.000 đồng, bị đơn tham gia chơi 02 chung, hốt hết 02 chung nhưng không đóng hội chết và còn nợ tiền hội như nguyên đơn trình bày là thực tế có xảy ra và hiện nay bị đơn vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn, do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả nguyên đơn số tiền nợ hội là 24.000.000 đồng là phù hợp.

[6] Về án phí: Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu nên nguyên đơn không phải chịu án phí đã dự nộp được nhận lại. Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm là 1.200.000 đồng là phù hợp theo quy định điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc

Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật dân sự; Điều 16, 24 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hộ, hội, biểu, phường; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị T1 - Buộc chị Trần Hồng T2 có nghĩa vụ thanh toán cho chị Đinh Thị T1 số tiền 24.000.000 đồng (Hai mươi bốn triệu đồng).

Kể từ ngày chị T1 có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị T2 không thi hành xong khoản tiền trên, chị T2 còn phải chịu thêm khoản tiền lãi phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đinh Thị T1 không phải chịu án phí, ngày 18/12/2023 chị T1 đã dự nộp án phí số tiền 600.000 đồng theo biên lai thu số 0004284 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được nhận lại toàn bộ. Chị Trần Hồng T2 phải chịu án phí sơ thẩm số tiền 1.200.000 đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Văn Đoan

